2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC分組排名	Div組別	Name姓名	Team車隊名	Nat.國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
1	M16	顧維均	EPIC TRCA Team	TWN	30	26	30	23	23	30	30	192
2	M16	謝昊軒	新北市自由車隊 A隊	TWN	23				30		26	79
3	M16	紀博薰	捷安特哥倫布車隊	TWN	16	23	6	10	18	6		79
4	M16	王勝天	前勁車隊	TWN		30	6	6	26		8	76
5	M16	林心安	瑞士釘四季	TWN	6		23	30				59
6	M16	賴宜駿	大甲高中	TWN	26				12	16		54
7	M16	丘宗銘 Yau Chung Ming	hong kong A	HKG			26	26				52
8	M16	辛芃序	EPIC TRCA Team	TWN	3	20	6	6	6		5	46
9	M16	曾靖智	FTL Cycling Team B隊	TWN	5	16	3	5	6		6	41
10	M16	曾秉聰	嘉南藥理大學	TWN			18	20				38
11	M16	陳立傑	新竹市ZIV聯隊	TWN	18					12	6	36
12	M16	陳家樂Chan Ka Lok	hong kong A	HKG			16	18				34
13	M16	黃柏睿	嘉南藥理大學	TWN			14	16				30
14	M16	余建朗 YU Kin Long	hong kong A	HKG			20	6				26
15	M16	陳郁凱		TWN						26		26
16	M16	林昱澄		TWN						23		23
17	M16	曹凱泰		TWN			6	5			12	23
18	M16	游念恩	新北市自由車 B隊	TWN							23	23
19	M16	莊寓翔	Team MSG A隊	TWN	5		12	5				22
20	M16	劉洧淳	大甲高中B隊	TWN	6				10	6		22
21	M16	謝治翔	大甲高中	TWN	20							20
22	M16	陳子濠Chen Tsz Ho	hong kong B	HKG			6	14				20
23	M16	洪楷宇	Team Dream LAB	TWN		14			6			20
24	M16	林冠成		TWN					20			20
25	M16	尤子睿	國立內埔農工	TWN						20		20
26	M16	呂沛震		TWN	6						14	20
27	M16	陳衍宜		TWN							20	20
28	M16	張峻彪	新竹市ZIV聯隊	TWN	3						16	19
29	M16	賴耶穎		TWN		18						18
30	M16	羅智賢 LAW Chi Yin	hong kong A	HKG			6	12				18
31	M16	黃靖鈞	昇陽syb	TWN						18		18
32	M16	YIP HON MAN	CCN Factory Racing	HKG							18	18
33	M16	楊震興	日南國中	TWN					16			16
34	M16	陳緯秝	桃園市自由車聯隊 B隊	TWN	10					6		16
35	M16	李思賢	新北市自由車隊 B隊	TWN	3				6		6	15
36	M16	王文遙		TWN	14							14
37	M16	林家丞		TWN			8	6				14
38	M16	羅梓韜 Lo Tsz To	hong kong B	HKG			6	8				14
39	M16	李其岳	宜蘭培訓隊/員山國中	TWN					14			14
40	M16	袁于祐	大甲高中B	TWN						14		14
41	M16	王峻彬		TWN	3					6	5	14
42	M16	蔡兆洋	Team MSG B隊	TWN	3		5	5				13
43	M16	許宸愷	Team MSG	TWN	3		5	5				13
44	M16	黃澤彥	Team RCG	TWN	3					10		13
45	M16	王成恩	幸福小隊	TWN	12							12
46	M16	林敖哲 Lam Ngo Chit Oistin	hong kong B	HKG			6	6				12
47	M16	馬正匡MA Ching Hong Nicholas	hong kong A	HKG			6	6				12
48	M16	陳玟瑋		TWN			6	6				12
49	M16	柯元勛	新竹市ZIV聯隊	TWN	6						6	12
50	M16	洪翌恩		TWN			5	6				11
51	M16	郭秉煦 Kwok Bing Hei	hong kong B	HKG			5	6				11
52	M16	郭家維		TWN	3		3		5			11
53	M16	李宥叡	新北市自由車隊 A隊	TWN	5				6			11
54	M16	陳宥棠	大甲高中B隊	TWN	5				6			11

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名													
更新：2026.10.31													
GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
55	M16	鄭崇廷	大甲高中B隊	TWN	3				8			11
56	M16	Chan Ching Yeung	Apex Cycling Team	HKG			5	5				10
57	M16	Chan Chun Lok Raphael	Apex Cycling Team	HKG			5	5				10
58	M16	Choy Hok Him	R3 cycling	HKG			5	5				10
59	M16	So Ho Tin	Apex Cycling Team	HKG			10					10
60	M16	劉宇軒	R3 cycling	HKG			5	5				10
61	M16	林樟哲		TWN							10	10
62	M16	許丞希	新竹市ZIV聯隊	TWN	3					6		9
63	M16	范晏維	新竹市ZIV聯隊	TWN	3						6	9
64	M16	林昱澄		TWN	3						6	9
65	M16	詹博凱	FTL Cycling Team A隊	TWN	8							8
66	M16	Yang Zaishan	R3 cycling	HKG			3	5				8
67	M16	古秉軒		TWN			3	5				8
68	M16	王祺閎	國立內埔農工	TWN						8		8
69	M16	蘇宥壬	TSS	TWN	3						5	8
70	M16	洪允軒	北投騎樂	TWN	3						5	8
71	M16	林軒頡	新北市自由車隊 B隊	TWN	3						5	8
72	M16	丁昶允	新北市自由車隊 A隊	TWN	3						5	8
73	M16	温季家	TEAM BELUGA CYCLING	TWN	3						5	8
74	M16	周珑洋	桃園市自由車聯隊 A隊	TWN	6							6
75	M16	蔡秉辰	前勁車隊	TWN	6							6
76	M16	簡兆羽	鐵人父子檔	TWN	6							6
77	M16	魏廷旭	Team RCG	TWN	6							6
78	M16	朱宸興	Team CYTO TRIGON	TWN	6							6
79	M16	何承恩	幸福小隊	TWN	6							6
80	M16	詹敬寬		TWN					6			6
81	M16	林吳陽		TWN					6			6
82	M16	余承冠	日南國中	TWN					6			6
83	M16	郭恩郡		TWN					6			6
84	M16	賴柏諺	昇陽syb	TWN						6		6
85	M16	黃弘義		TWN						6		6
86	M16	蘇顥語	ZIV新竹縣自由車隊	TWN						6		6
87	M16	林育辰	國立內埔農工	TWN						6		6
88	M16	林宗諺		TWN						6		6
89	M16	阮士恒	Winspace Crimson Nova	TWN							6	6
90	M16	蔡豐豪	Winspace Crimson Nova	TWN							6	6
91	M16	陳冠中		TWN							6	6
92	M16	劉杰羽		TWN							6	6
93	M16	余世宥	桃園市自由車聯隊 B隊	TWN	5							5
94	M16	蔣明呈	幸福小隊	TWN	5							5
95	M16	鄭閎學	大甲高中	TWN	5							5
96	M16	温仲鈞	桃園市自由車聯隊 A隊	TWN	5							5
97	M16	林志翰	臺北市大理高中國中部B隊	TWN	5							5
98	M16	游鈞崤		TWN	5							5
99	M16	Tong Yik Hong	Apex Cycling Team	HKG			5					5
100	M16	Wong Tsz Hin	Apex Cycling Team	HKG			5					5
101	M16	蔡智宇	Giant信義	TWN					5			5
102	M16	林赫揚		TWN					5			5
103	M16	趙國昱		TWN					5			5
104	M16	邱上瑋	親友團	TWN						5		5
105	M16	莊麒鋒	一陣風	TWN						5		5
106	M16	劉超然	ZIV新竹縣自由車隊	TWN						5		5
107	M16	粘世承	新竹市ZIV聯隊	TWN							5	5
108	M16	蔡明軒	新竹市香山高中	TWN							5	5

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
109	M16	林雷恩		TWN							5	5
110	M16	謝翔宇	花蓮EDCC JUNIOR少年隊	TWN							5	5
111	M16	温志靖	新豐國中ZIV	TWN							5	5
112	M16	林冠宇	Team RCG	TWN	3							3
113	M16	陳佳佑	TSS	TWN	3							3
114	M16	胡宇豪	桃園市自由車聯隊 A隊	TWN	3							3
115	M16	宋宥燐	桃園市自由車聯隊 A隊	TWN	3							3
116	M16	蘇睦桓	Team MSG B隊	TWN	3							3
117	M16	李彥瑄	大甲高中B隊	TWN	3							3
118	M16	葉彥廷	TSS	TWN	3							3
119	M16	沈家安	TSS	TWN	3							3
120	M16	彭宥文	幸福小隊	TWN	3							3
121	M16	陳奕傑		TWN	3							3
122	M16	楊拓	新竹市ZIV聯隊	TWN	3							3
123	M16	張佑丞		TWN	3							3
124	M16	廖紘毅	昇陽SYB	TWN	3							3
125	M16	廖岑翰	新竹市ZIV聯隊	TWN	3							3
126	M16	周頎潤		TWN	3							3
127	M16	何玉鵬	幸福小隊	TWN	3							3
128	M16	林育宏		TWN	3							3
129	M16	謝承諺	桃園市自由車聯隊 B隊	TWN	3							3
130	M16	宋承熙	Team MSG B隊	TWN	3							3
131	M16	吳宇翔	桃園市自由車聯隊	TWN	3							3
132	M16	鍾瀚霆	桃園市自由車聯隊 B隊	TWN	3							3
133	M16	桃湟順		TWN	3							3
134	M16	陳穎桀		TWN	3							3
135	M16	柯加恩		TWN	3							3
136	M16	呂任翔	白狐狸心	TWN	3							3
137	M16	潘靖浩	白狐狸心	TWN	3							3
138	M16	徐勝彬	白狐狸心	TWN	3							3
139	M16	薛元翔	白狐狸心	TWN	3							3
140	M16	Ho Chun Hei	Apex Cycling Team	HKG			3					3
141	M16	林鈞凱	瑞士釘四季	TWN			3					3
142	M16	施亭佑		TWN			3					3
143	M16	張克羽	Team MSG	TWN			3					3
144	M16	楊承諺	花蓮EDCC JUNIOR少年隊	TWN							3	3
145	M16	黃紹宥	新豐國中ZIV	TWN							3	3
1	M20	黃暐程	前勁車隊	TWN	30	12	16	23	30	20	18	149
2	M20	張育銘	捷安特哥倫布車隊	TWN	23	26	6	18	26	16		115
3	M20	許仕儒	前勁車隊	TWN			30	30	14	26	6	106
4	M20	張恩騰	前勁車隊	TWN	20	20	23	12	10		6	91
5	M20	張誌盛	臺中聯隊	TWN			5	10	16	23	26	80
6	M20	謝帛勳	大甲高中/前勁車隊	TWN	18	23	3	6	20			70
7	M20	葉軒佑	FTL Cycling Team A隊/CCN Factory Racing	TWN	26		6	14			20	66
8	M20	黃昱承	Team CYTO TRIGON	TWN	6	30	12	6				54
9	M20	周席瑞	Winspace Crimson Nova	TWN	12		6	20			14	52
10	M20	胡嘉恩	Team Dream LAB/EPIC TRCA Team	TWN	6	6	6	6	18		6	48
11	M20	譚皓瑋	EPIC TRCA Team	TWN	6	10	6	6	8		12	48
12	M20	李靖烽	前勁車隊	TWN			5	6	6	30		47
13	M20	顏孝叡	TEAM WAYPOINT A隊	TWN	6	14	6	3	12		6	47
14	M20	李亞倫	Bryton Racing Team	TWN	6		26	6			8	46
15	M20	萬大中	Bryton Racing Team	TWN	14		8	8			16	46
16	M20	朱辰	EPIC TRCA Team	TWN	6	16	5	5	6		5	43

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
17	M20	華柏程	捷安特哥倫布車隊	TWN	10	6	5	6		14		41
18	M20	陳進邑	Winspace Crimson Nova	TWN	6		6	6			23	41
19	M20	林心謙	TEAM WAYPOINT A隊	TWN	16	18					6	40
20	M20	張祐誠	Team CYTO TRIGON	TWN			10	26				36
21	M20	龔裕哲	Bryton Racing Team	TWN	5		14	6			10	35
22	M20	簡耘澤	臺中聯隊	TWN			5	6	23			34
23	M20	曾奕維	Pogi Team Gusto Ljubljana	TWN			20	5			6	31
24	M20	陳家宥	Team CYTO TRIGON	TWN	8		6	16				30
25	M20	KAM CHIN POK	CCN Factory Racing	MAC							30	30
26	M20	林旻澤	捷安特哥倫布車隊	TWN	6	6	5	5	6			28
27	M20	張璟程	Team ossa	TWN	5	6	6	5			6	28
28	M20	Kam Tsz Shun Jason	CCN Factory Racing	HKG			18	5				23
29	M20	賴沛丞	TSL cycling team	TWN	5		3	3		10		21
30	M20	李侑鍇	TeamMugen	TWN	6		3	5			6	20
31	M20	柯鋐昇	TeamMUGEN	TWN	5	8	3	3				19
32	M20	陳謙佾		TWN						18		18
33	M20	李浩銘	FTL Cycling Team	TWN			5	5			5	15
34	M20	何信易	TeamMugen	TWN	3		3	3			5	14
35	M20	黃楷翔	TeamMUGEN	TWN	3	6	3					12
36	M20	蔡呈爵	Winspace Crimson Nova	TWN	3		3		6			12
37	M20	李彥葳	捷安特哥倫布	TWN						12		12
38	M20	Ye Siu Nam	CCN Factory Racing	HKG			3	3			6	12
39	M20	謝秉泓	瑞士釘四季	TWN	5		3	3				11
40	M20	周禮	Team ossa	TWN	5		3	3				11
41	M20	黃新富	Team CYTO TRIGON	TWN			6	5				11
42	M20	陳冠融	瑞士釘四季	TWN	5		3					8
43	M20	Lee Yan Chak Jacob	CCN Factory Racing	HKG			3	5				8
44	M20	林易霆	Team CYTO TRIGON	TWN			3	5				8
45	M20	陳柏勳		TWN			5	3				8
46	M20	簡文雄	R3 cycling	TWN			5	3				8
47	M20	鄭玄琮	Team Dream LAB	TWN	6							6
48	M20	徐維澤		TWN		6						6
49	M20	黃博廷	Team Dream LAB	TWN		6						6
50	M20	邱奎恩		TWN			3	3				6
51	M20	李育儒	Giant信義	TWN					6			6
52	M20	KWOK CHUN YAN	CCN Factory TEAM A	HKG							6	6
53	M20	林峻佑		TWN	5							5
54	M20	吳建緯	Team ossa	TWN	5							5
55	M20	鄭永鴻		TWN	5							5
56	M20	Sora Ozeki	Team CYTO TRIGON	JPN			5					5
57	M20	蘇鎮緯	EPIC TRCA Team B隊	TWN							5	5
58	M20	王言睎		TWN							5	5
59	M20	王泰閔		TWN	3							3
60	M20	Fung Wai Lim	Apex Cycling Team	HKG			3					3
61	M20	Lai Ka Man	Apex Cycling Team	HKG			3					3
62	M20	Ma Chun Kiu Neil	Apex Cycling Team	HKG			3					3
63	M20	Pang Man Kin	Apex Cycling Team	HKG			3					3
64	M20	曾子豪		TWN			3					3
65	M20	黃少甫	嘉南藥理大學	TWN			3					3
66	M20	蔡士博	嘉南藥理大學	TWN			3					3
1	M25	徐御凱	Team CYTO TRIGON	TWN	26	23	26	23				98
2	M25	黃冠霖	前勁車隊	TWN	30	26	6	6	14		10	92
3	M25	李廷威	EPIC TRCA Team	TWN					30	23	30	83

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
4	M25	莊博尹	Winspace Crimson Nova	TWN			18	26	26			70
5	M25	謝佳叡	e-MA cycling team/RCCTPE	TWN	14		16	18	20			68
6	M25	李奕銘	FTL Cycling Team A隊	TWN	12		23	14			18	67
7	M25	Martin Papanov	Team CYTO TRIGON	BUL	23		30	10				63
8	M25	Ng Wing Chung	CCN Factory Racing	HKG			20	12			26	58
9	M25	王典堯		TWN	6	20			6	16		48
10	M25	蔡政宇	Team Dream LAB	TWN	8		6	8	12		12	46
11	M25	朱耿宏	Team MSG A隊	TWN	20		8	16				44
12	M25	汪昱豪	捷安特哥倫布車隊	TWN			6	6		30		42
13	M25	陳楚杰	PNS Taipei Racing Team	TWN	16				23			39
14	M25	韓定國	GG-ININDER	TWN	10				8	20		38
15	M25	Ho Wing Yip	CCN Factory Racing	HKG			6	30				36
16	M25	何健名	Winspace Crimson Nova	HKG			16	20				36
17	M25	莊瀚瑋	GG-ININDER	TWN					18		16	34
18	M25	卓峻澤	JJSC/西屯銀河艦隊	TWN			10	6	16			32
19	M25	何硯宜	Equipo Kern Pharma 柯恩製藥車隊	TWN		30						30
20	M25	陳玄曄	捷安特哥倫布	TWN						26		26
21	M25	洪家勛	FTL Cycling Team	TWN	6		6	6	6			24
22	M25	JAYPEE LUMOCSO OLARTE	7 Eleven–Cliqq–air21 by Roadbike Philippines	PHI							23	23
23	M25	NG SUM LUI	CCN Factory Racing	HKG							20	20
24	M25	王鴻瑞	FTL Cycling Team	TWN	18							18
25	M25	黃柏勳	Team MSG A隊	TWN	6		6	6				18
26	M25	Arthur Lenné	ZOOM Cycling	GER		18						18
27	M25	謝博崴	TEAM WAYPOINT	TWN						18		18
28	M25	陳柏霖	GG-ININDER	TWN							14	14
29	M25	Wan Yiu Him	CCN Factory Racing	HKG			6	6				12
30	M25	黃三郡	大南投車隊	TWN			12					12
31	M25	陳信旻	JJSC/西屯銀河艦隊	TWN			6		6			12
32	M25	許博政		TWN					6		6	12
33	M25	汪哲生	西屯銀河艦隊	TWN					10			10
34	M25	蔡承洋		TWN	6							6
35	M25	黃建豪		TWN			6					6
36	M25	黃義裁	Team CYTO TRIGON	TWN			6					6
37	M25	黃凱風	爆爆王	TWN					6			6
38	M25	傅梓烜	西屯銀河艦隊	TWN					6			6
39	M25	蔡正一	爆爆王	TWN					6			6
40	M25	ANNICK ALFARO REYES	7 Eleven–Cliqq–air21 by Roadbike Philippines	PHI							6	6
41	M25	Chan Lok Fung	Team OSSA Janiton	HKG							6	6
1	M30	林冠宇	TEAM WAYPOINT A隊	TWN	18	23	30	26	26	20	30	173
2	M30	林佳勳	GG-ININDER	TWN	23	20	20	16	30	23		132
3	M30	盧紹軒	Bryton Racing Team	TWN	14		26	30			26	96
4	M30	Lo Chun Kit	Apex Cycling Team	HKG			12	23			18	53
5	M30	李冠賢	TeamMUGEN	TWN	20	30						50
6	M30	黃淳佑	Team RCG/RCCTPE	TWN	10		18	18				46
7	M30	張皓翔	e-MA cycling team	TWN	26				20			46
8	M30	賴裕亮	YBT	TWN	6				14	26		46
9	M30	江柏欣	EPIC TRCA Team	TWN	6		10	14			16	46
10	M30	王景徽	Team CYTO TRIGON	TWN			23	20				43
11	M30	顏景徽		TWN						30	12	42
12	M30	譚浩嵐	Team ossa	HKG	8					18	14	40
13	M30	劉家良	新北市自由車隊 A隊/TSL cycling team	TWN	6		14		16			36
14	M30	楊家承	TeamMUGEN	TWN	16						20	36
15	M30	陳廷楷	PNS Taipei Racing Team	TWN	12				23			35

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
16	M30	黃冠綸	新北市自由車隊 B隊/TSL cycling team	TWN	6		6	9			10	31
17	M30	曾維庸	PNS Taipei Racing Team	TWN	30							30
18	M30	陳守杰	TEAM WAYPOINT B隊	TWN	6		8	12				26
19	M30	何家豪	GG-ININDER	TWN		26						26
20	M30	賴昇宇	高麗菜觀光團	TWN		18			6			24
21	M30	RONNILAN VILLA QUITA	even–Cliqq–air21 by Roadbike Philipp	PHI							23	23
22	M30	陳柏勳	Team MSG A隊	TWN	6		6	10				22
23	M30	黃鼎鈞	JJSC	TWN			16	6				22
24	M30	張峻誠		TWN					6	16		22
25	M30	韓翔陵	YBT	TWN					18			18
26	M30	Nicholas Payne		USA		16						16
27	M30	Jomel Castillo	Reymart Cayana Bernarte	PHI		14						14
28	M30	Chan Yau Kiu	R3 cycling	HKG			6	8				14
29	M30	許乘恩		TWN						14		14
30	M30	Jepser Hangstrup Lamertsen		DEN		12						12
31	M30	石睿心	e-MA cycling team	TWN					12			12
32	M30	James Roxas	Reymart Cayana Bernarte	PHI		10						10
33	M30	邱乙桓		TWN					10			10
34	M30	李奇	西屯銀河艦隊	TWN					8			8
35	M30	Ku Ching Ho Alvin	Team OSSA Janiton	HKG							8	8
36	M30	江家宏		TWN	6							6
37	M30	馬旭迪		TWN	6							6
38	M30	SIMBRE JOEMAR DAILEG	TEAM GREEN PLANET PHILIPPINES	PHI	6							6
39	M30	CELSO GERWIN CUENCO	TEAM PCCT	PHI	6							6
40	M30	陳鈺翔		TWN					6			6
41	M30	任傳中		TWN					6			6
42	M30	貝德旭		GBR					6			6
43	M30	孔聖凱		TWN					6			6
44	M30	王崧智		TWN					6			6
45	M30	Chan Kar Yin Steven	Team OSSA Janiton	HKG							6	6
46	M30	Jayson Salvador		PHI	5							5
1	M35	黃文忠	EPIC TRCA Team	TWN		26	23	23	26	26	23	147
2	M35	韓志傑	GG-ININDER	TWN	23		30	30		30	26	139
3	M35	吳之皓	Bryton Racing Team	TWN	20		18	26			30	94
4	M35	翁瑞鴻	FTL Cycling Team A隊	TWN	6		26	16		14	20	82
5	M35	陳勁儒	GG-ININDER	TWN	10		20	18	10		18	76
6	M35	Marco marchetti	TEAM WAYPOINT A隊	ITA	30	30						60
7	M35	侯佑霖	TeamMUGEN	TWN	12		16	20			12	60
8	M35	周子峯	PNS Taipei Racing Team	TWN	18				30			48
9	M35	陳知言	FTL Cycling Team B隊	TWN	6		12	14	6		10	48
10	M35	阮建智	YBT	TWN	16				14			30
11	M35	彭健銘	e-MA cycling team	TWN	26							26
12	M35	吳育璿	TEAM WAYPOINT B隊	TWN	6		14		6			26
13	M35	陳郁棟		USA		20			6			26
14	M35	潘彥文	Team Dream LAB	TWN	6				20			26
15	M35	張瀚文		TWN		23						23
16	M35	吳維浩	YBT	TWN					23			23
17	M35	古正毓	TEAM WAYPOINT	TWN						23		23
18	M35	李明潔	大南投車隊	TWN			10	12				22
19	M35	游承諺	e-MA cycling team	TWN	14						8	22
20	M35	蔣明憲		TWN						20		20
21	M35	李世烽	TeamMUGEN	TWN	6						14	20
22	M35	Reymart Cayana Bernarte	Reymart Cayana Bernarte	PHI		18						18

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
23	M35	蔡其峰	大南投車隊	TWN			8	10				18
24	M35	張松献		TWN					18			18
25	M35	廖宜聖	樹龜口戰隊	TWN						18		18
26	M35	胡洺禕		TWN					16			16
27	M35	江泓	FTL Cycling Team	TWN						16		16
28	M35	馮俊凱	Astemo宇都宮閃電車隊	TWN							16	16
29	M35	呂志聖	e-MA cycling team	TWN	6				6			12
30	M35	林孟岱	小苗栗	TWN					12			12
31	M35	宋易承	Team Dream LAB	TWN	8							8
32	M35	陳昱愷		TWN					8			8
33	M35	林浩宇	景平652俱樂部	TWN	6							6
34	M35	張銀軒		TWN			6					6
35	M35	林明昌	樹龜口戰隊	TWN			6					6
36	M35	莊瑞展	Team MSG	TWN			6					6
37	M35	黃宗駿		TWN					6			6
38	M35	黃昱心	翠峰湖直達車	TWN					6			6
39	M35	許暐綸		TWN							6	6
1	M40	賴威宇	TEAM WAYPOINT A隊	TWN	16	30	26	26	14	20	26	158
2	M40	洪坤弘	Bryton Racing Team	TWN	23		30	30			30	113
3	M40	卓駿宇	e-MA cycling team/RCCTPE	TWN	26		16	23	26			91
4	M40	江忠諺	TEAM WAYPOINT	TWN	6	12	8	6	6	26	23	87
5	M40	吳國才	GG-ININDER	TWN	6		12	18		16	20	72
6	M40	陳晏祥	樹龜口戰隊	TWN	6	16	6	6	8	14	14	70
7	M40	陳俊名	捷安特哥倫布車隊	TWN			14	20		30		64
8	M40	劉致偉	TEAM WAYPOINT B隊	TWN	20	18	23					61
9	M40	林成翰	TEAM WAYPOINT	TWN		26			23			49
10	M40	陳浩鈞	TEAM WAYPOINT B隊	TWN	10	23					16	49
11	M40	陳亞倫	e-MA cycling team/RCCTPE	TWN	6		18	14				38
12	M40	陳青宏	JJSC	TWN			20	16				36
13	M40	Nodar Guga Abesadze	PNS Taipei Racing Team	GEO	6				30			36
14	M40	林允賢	YBT	TWN						18	18	36
15	M40	陳俊翰	YBT	TWN	14				20			34
16	M40	陶大瑜	e-MA cycling team	TWN	30							30
17	M40	蘇晉興		TWN	12				18			30
18	M40	周弘恩	YBT	TWN	6					23		29
19	M40	呂靖	FTL Cycling Team A隊	TWN	8	20						28
20	M40	左承暐	PNS Taipei Racing Team	TWN	18				10			28
21	M40	洪宜聖	RCCTPE	TWN	6		6	6	6			24
22	M40	程劭華	EPIC TRCA Team	TWN	6		6	6	5			23
23	M40	李承閔	EPIC TRCA Team	KOR		8	6	8				22
24	M40	莊宏祥	JJSC	TWN			6	12				18
25	M40	溫顓豪	FTL Cycling Team B隊	TWN	6		6		6			18
26	M40	Ip Shiu Chun Jonathan	CCN Factory Racing	HKG			6	10				16
27	M40	林謂迪		TWN		10			6			16
28	M40	李政儒	YBT	TWN					16			16
29	M40	陳正龍		TWN		14						14
30	M40	曾正丞	TEAM WAYPOINT B	TWN			6	6				12
31	M40	李健維	大南投車隊	TWN			6	6				12
32	M40	林迺邦	樹龜口戰隊	TWN			6	6				12
33	M40	陳紹鈞		TWN					12			12
34	M40	王漢傑		TWN							12	12
35	M40	何國維	裕進單車	TWN	5				6			11
36	M40	杜有朋	JJSC	TWN			10					10

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
37	M40	楊世賢	楊世賢	TWN	5				5			10
38	M40	鄭明郡		TWN							10	10
39	M40	Seungmin Lee		KOR	6							6
40	M40	陳奕丞		TWN		6						6
41	M40	許明儒		TWN		6						6
42	M40	李朝旺		TWN					6			6
43	M40	林政逸	東京熱TokyoHot	TWN					6			6
44	M40	蘇志翔	櫻咩後援會	TWN					6			6
45	M40	陳宥廩	陳宥廩	TWN					6			6
46	M40	翁顥璋	東京熱TokyoHot	TWN					6			6
47	M40	郭凱威		TWN	5							5
48	M40	陳忠益	波波隊	TWN	5							5
49	M40	楊富茗	翠峰湖直達車	TWN					5			5
50	M40	李冠儒	YBT	TWN					5			5
51	M40	陳建銘	陳宥廩	TWN					5			5
52	M40	曾名阜	世上第沂名男子翰軍團	TWN					5			5
53	M40	吳應聰		TWN					5			5
54	M40	陳青義	翠峰湖直達車	TWN					5			5
55	M40	張群聖	媽媽我考卷寫完了可以出來騎車了對不隊	TWN					5			5
1	M45	程永源	TEAM WAYPOINT	TWN	26	30	30	30	26	26	26	194
2	M45	謝博全	樹龜口戰隊	TWN	20	23	16	18	12	23	20	132
3	M45	徐斌雁	Team ossa	TWN	14	16	14	16		20		80
4	M45	簡浚哲	YBT	TWN					23	30		53
5	M45	曹宏彰	Team Dream LAB	TWN			26	26				52
6	M45	戴宗榮	JJSC	TWN			23	20				43
7	M45	黃浩翊	灰熊車隊	TWN			20	23				43
8	M45	曾淵聖	PNS Taipei Racing Team	TWN	23				20			43
9	M45	潘智嘉		TWN			18				23	41
10	M45	蘇鼎鈞		TWN	30							30
11	M45	余鴻儒		TWN					30			30
12	M45	楊鴻銘	FTL Cycling Team	TWN							30	30
13	M45	楊澄圳		TWN		26						26
14	M45	黃旭權		TWN	16				6			22
15	M45	周世昌		TWN		20						20
16	M45	古新民		TWN	18							18
17	M45	宋介文		TWN		18						18
18	M45	陳圳源		TWN					18			18
19	M45	林楊勝	裕進單車	TWN	12				6			18
20	M45	沈祥玄		TWN						18		18
21	M45	魏雲詠	193縱谷動力	TWN							18	18
22	M45	曾祐航		TWN					16			16
23	M45	井上浩利		JPN							16	16
24	M45	陳彥廷		TWN		14						14
25	M45	楊少驊	193縱谷動力	TWN					14			14
26	M45	林逸翔	193縱谷動力	TWN							14	14
27	M45	陳加修	大南投車隊	TWN			12					12
28	M45	林瀚陞	Team MSG	TWN	10							10
29	M45	黃俊華		TWN					10			10
30	M45	李振彬	小苗栗	TWN					8			8
31	M45	沈啟仲		TWN					6			6
32	M45	霍克孝		TWN					6			6
33	M45	藍德武		TWN					6			6
34	M45	張睿軒		TWN					6			6

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
35	M45	鄭元凱		TWN					6			6
36	M45	黃耕翊		TWN					6			6
37	M45	莊勝傑		TWN					6			6
38	M45	王永成		TWN					6			6
1	M50	張凱鈞		TWN	12	23	30	30	16	30	30	171
2	M50	劉珉東	獨推事務所	TWN	16	30			20			66
3	M50	黃緯宏		TWN	26				30			56
4	M50	丘智謀		TWN			26	26				52
5	M50	陳志偉		TWN			23	23				46
6	M50	陳品宏		TWN	18				23			41
7	M50	陳有清		TWN	20				18			38
8	M50	詹濠源		TWN	30							30
9	M50	黃森杰	花蓮堅毅騎士團	TWN							26	26
10	M50	Lee Rodgers		GBR		26						26
11	M50	洪學朋		TWN					26			26
12	M50	朱正文	e-MA cycling team	TWN	23							23
13	M50	許國銘		TWN	14							14
14	M50	李宗龍		TWN					14			14
15	M50	池紹乾		TWN					12			12
16	M50	蕭武琪	Team MSG	TWN	10							10
17	M50	柯勇全		TWN					10			10
18	M50	游勝嵐		TWN					8			8
19	M50	蔡秉泓		TWN					6			6
20	M50	陳政文		TWN					6			6
21	M50	彭亦誠		TWN					6			6
1	M55	李世欽		TWN	23	26	26	26	23	30		154
2	M55	潘品華	EPIC TRCA Team	TWN	30	30	30	30			30	150
3	M55	郭玉堃	193縱谷動力	TWN			20	23	14		23	80
4	M55	吳龍偉	193縱谷動力	TWN			23	18	12		20	73
5	M55	呂世宏		TWN					20		26	46
6	M55	潘皇谷		TWN			18	20				38
7	M55	杜佐耀		TWN					30			30
8	M55	金志成		TWN	26							26
9	M55	賴建圖		TWN					26			26
10	M55	Frank Starick	ZOOM Cycling	GER		23						23
11	M55	林建志		TWN	14				8			22
12	M55	Laurent BALIAN		FRA	20							20
13	M55	范文崧		TWN	18							18
14	M55	鄭榮新		TWN					18			18
15	M55	簡志光	鐵人父子檔	TWN	16							16
16	M55	樓勝男		TWN					16			16
17	M55	黃弘		TWN	12							12
18	M55	黃騏紘		TWN					10			10
19	M55	蔡長祐	台菜家族	TWN					6			6
1	M60	陳樹煌	GG-ININDER	TWN	30	30	26	26	30	30	30	202
2	M60	David John Tonks	大南投車隊	GBR			30	30				60
3	M60	曹松雄		TWN	20		18	20				58
5	M60	張璁	北投騎樂	TWN	26				26			52
6	M60	謝顏陽	REDDOT TEAM	TWN			20	23				43
7	M60	鐘俊卿	北投騎樂	TWN	23				20			43
8	M60	許啟正		TWN		26						26

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
9	M60	江祐榮		TWN		23						23
10	M60	江招良	EPIC TRCA Team B	TWN			23					23
11	M60	王春等		TWN					23			23
12	M60	曾清隆	景平652俱樂部	TWN	18							18
13	M60	bruce berkman		USA					18			18
14	M60	張銘賢	勇往直前	TWN					16			16
15	M60	蔡其智		TWN					14			14
1	W35	許書瑋	新北市自由車隊 A隊	TWN	30	30	30	30	30	23	30	203
2	W35	葉玳君	Team MSG A	TWN			26	26		26	26	104
3	W35	蔡雅羽	Liv-GA黃金甲 Women Cycling Team	TWN			23	23		30		76
4	W35	呂恩潔	Team Dream LAB	TWN	8	23			20		20	71
5	W35	李易珊	Liv-GA黃金甲 Women Cycling Team	TWN	14		20	16		18		68
6	W35	楊喬卉	大甲高中	TWN	12				16	16		44
7	W35	劉恩秀	大甲高中B隊	TWN	10				12	20		42
8	W35	許天下	大甲高中	TWN	26					14		40
9	W35	魏于恬	高麗菜觀光團	TWN		20			18			38
10	W35	鄧盈雙 Tang Ying Sheung	hong kong A	HKG			18	18				36
11	W35	羅靖喬 LAW Ching Kiu	hong kong B	HKG			16	20				36
12	W35	陳則寧	Liv-GA黃金甲 Women Cycling Team	TWN	20					12		32
13	W35	羅育嫻	Team MSG A	TWN			14	14				28
14	W35	王韋婕	TEAM WAYPOINT	TWN		26						26
15	W35	高佩詩	YBT	TWN					26			26
16	W35	蕭淨予	新北市自由車隊 B隊	TWN	6						18	24
17	W35	Piyaporn Sukdanont	REDDOT TEAM	THA			12	12				24
18	W35	周逸文		TWN							23	23
19	W35	朱芷儀	前勁車隊	TWN	23							23
20	W35	沈正意		TWN					23			23
21	W35	陳妍文	大南投車隊	TWN			10	10				20
22	W35	鍾欣穎	台北市東林扶輪社	TWN	18							18
23	W35	林恩婕	Liv-GA黃金甲女子隊	TWN	16							16
24	W35	黃稀琳	R3 cycling	HKG			8	8				16
25	W35	游慈瑄	西屯銀河艦隊	TWN					14			14
26	W35	李伊珊	日南國中	TWN					10			10
27	W35	彭明珍 Melita Piercy		USA					8			8
28	W35	廖于童	台北市東林扶輪社	TWN	6							6
29	W35	謝文瑜		TWN					6			6
1	W36	程秀如	富京科技X東林扶輪社/Liv-GA黃金甲女子隊	TWN	23	26	26	26	26	23	30	180
2	W36	劉欣怡	FTL Cycling Team B隊	TWN	14	18	18	18	18	26	23	135
3	W36	吳玉鳳	台北市東林扶輪社/富京科技X東林扶輪社	TWN	20	23	20	14	20		26	123
4	W36	曾可妡	Liv-GA黃金甲 Women Cycling Team	TWN	26		30	30		30		116
5	W36	紀芸涵	樹龜口戰隊	TWN	18	20	12	12	23		20	105
6	W36	劉予倫	Team MSG B隊	TWN	30		23	20				73
7	W36	李雅惠	FTL Cycling Team	TWN	16		10	10	16			52
8	W36	黃雅杏	TEAM WAYPOINT B隊	TWN	12	16	6	8				42
9	W36	卓佳盈	Team MSG A	TWN			16	23				39
10	W36	鄭詩縈		TWN					30			30
11	W36	林怡伶		TWN		30						30
12	W36	張明芳		TWN			8	6	10			24
13	W36	廖羽柔	Team MSG A	TWN				16				16
14	W36	賴盈樺	櫻咩後援會	TWN					14			14
15	W36	陳柏婷	TEAM WAYPOINT	TWN		14						14
16	W36	莊子雲		TWN			14					14

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
17	W36	邱凡瑄	e-MA cycling team	TWN					12			12
18	W36	莊詠茵	景平652俱樂部	TWN	10							10
19	W36	吳維晨		TWN					8			8
20	W36	蔡文琳	從從容容、游刃有餘	TWN	8							8
21	W36	林藝真	裕進單車	TWN					6			6
22	W36	陳盈君		TWN					6			6
23	W36	陳玫如	翠峰湖直達車	TWN					6			6
24	W36	陳儷穎	勇往直前	TWN					6			6
25	W36	廖芝瑩		TWN					6			6
26	W36	陳姿樺	景平652俱樂部	TWN	6							6
1	U13	梁元郡	新竹市ZIV聯隊	TWN					30	30	26	86
2	U13	徐煜軒	桃市山腳國中	TWN					26	12	30	68
3	U13	許舜博	桃園市自由車聯隊 C隊	TWN	30					26		56
4	U13	卓恩予	新竹市ZIV聯隊	TWN	26				23			49
5	U13	林訟喆	從從容容、游刃有餘	TWN	16				16	3	8	43
6	U13	張鈞皓		TWN	18				18	5		41
7	U13	沈宥騰		TWN						23	18	41
8	U13	張書源	Team MSG D隊	TWN	20				14			34
9	U13	呂文辰	新竹市ZIV聯隊	TWN					20	6		26
10	U13	吳冠澤		TWN						6	20	26
11	U13	詹宸昕	桃園市自由車聯隊	TWN	23							23
12	U13	鄒秉宏	玉富追風隊	TWN							23	23
13	U13	劉宇軒		TWN						20		20
14	U13	汪子勝		TWN						18		18
15	U13	江成恩		TWN	12					5		17
16	U13	陳宥勝		TWN						16		16
17	U13	陳柚潸	新豐國中ZIV	TWN							16	16
18	U13	吳源宸	TEAM BELUGA CYCLING	TWN	14							14
19	U13	張曜丞	SRT team B隊	TWN						14		14
20	U13	林藝洋	林藝洋	TWN							14	14
21	U13	謝宇庠		TWN							12	12
22	U13	鄭亦恆		TWN	10							10
23	U13	蔡晴天		TWN						10		10
24	U13	莊崇銨		TWN							10	10
25	U13	洪沅彬		TWN						8		8
26	U13	姜天堯		TWN						6		6
27	U13	謝杰翔		TWN						6		6
28	U13	林宥廷		TWN						6		6
29	U13	陳宥霖		TWN						6		6
30	U13	梁寶賢	麥當勞	TWN						6		6
31	U13	朱特帛	北市大附中	TWN						6		6
32	U13	彭于恩		TWN						6		6
33	U13	許宗安	SRT team B隊	TWN						6		6
34	U13	李翊銓		TWN							6	6
35	U13	陳以舷	借過一下	TWN							6	6
36	U13	吳軒樂		TWN						5		5
37	U13	顏東震	ZIV新竹縣自由車隊	TWN						5		5
38	U13	張梓宥		TWN						5		5
39	U13	柳奕霆		TWN						5		5
40	U13	林宥維		TWN						5		5
41	U13	曾晨睿		TWN						5		5
42	U13	黃浩翔		TWN						5		5
43	U13	王冠捷		TWN						5		5

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
44	U13	黃裕綸	一陣風	TWN						3		3
45	U13	鄭希文		TWN						3		3
46	U13	Alan Chu		TWN						3		3
47	U13	謝杰宇		TWN						3		3
1	U14	劉祥丞	捷安特哥倫布車隊	TWN	30				30	30		90
2	U14	黃宥凱	新竹市ZIV聯隊	TWN	14				6	23	20	63
3	U14	石垣正	新竹市ZIV聯隊 B隊	TWN	10				14	20	18	62
4	U14	黃之峰	新豐國中ZIV	TWN						26	30	56
5	U14	李威霆		TWN	18				16	16		50
6	U14	郭彥辰	臺北市大理高中國中部B隊	TWN	26					14		40
7	U14	陳彥廷		TWN	23				12			35
8	U14	林冠承	新竹市ZIV聯隊 A隊	TWN	20				8			28
9	U14	陳杰紳		TWN					26			26
10	U14	黃之嘉	新豐國中ZIV	TWN							26	26
11	U14	劉宸愷		TWN					18	6		24
12	U14	翁子傑		TWN					23			23
13	U14	陳律澄		TWN							23	23
14	U14	蕭敏書	臺北市大理高中國中部B隊	TWN	16					6		22
15	U14	洪嘉佑		TWN					20			20
16	U14	潘泓諭		TWN						18		18
17	U14	楊昊勳		TWN					6		10	16
18	U14	謝杰翔		TWN							16	16
19	U14	羅羿	TEAM WAYPOINT	TWN							14	14
20	U14	劉子暐	TEAM BELUGA CYCLING	TWN	12							12
21	U14	黃珩魁		TWN	6				6			12
22	U14	陳子權	桃園聯隊	TWN						12		12
23	U14	劉晏辰		TWN							12	12
24	U14	陳彥勳	嚴冠博	TWN	5				6			11
25	U14	張哲凱	TEAM BELUGA CYCLING	TWN	6						5	11
26	U14	洪楷竣		TWN	5						6	11
27	U14	游景翔		TWN					10			10
28	U14	葉衍樂		TWN						10		10
29	U14	才翔宇		TWN						5	5	10
30	U14	傅冠瀧	新竹市ZIV聯隊 B隊	TWN	8							8
31	U14	蘇珈胤		TWN						8		8
32	U14	吳恩諾		TWN							8	8
33	U14	張承翰		TWN	6							6
34	U14	陳柏翰		TWN	6							6
35	U14	黃啟宏	桃園市自由車聯隊	TWN	6							6
36	U14	簡唯宸	Team MSG D隊	TWN	6							6
37	U14	蔡君昊		TWN	6							6
38	U14	李囈恩		TWN	6							6
39	U14	林宸逸	新竹市ZIV聯隊	TWN	6							6
40	U14	葉哲維		TWN	6							6
41	U14	褚恩宇	山峰小隊	TWN					6			6
42	U14	鄭羽辰	日南國中	TWN					6			6
43	U14	張馭珵		TWN					6			6
44	U14	李沐橙	取什麼	TWN					6			6
45	U14	謝睿紘		TWN						6		6
46	U14	洪志豪		TWN						6		6
47	U14	張子清		TWN						6		6
48	U14	蔡竣羽		TWN						6		6
49	U14	黃冠崎		TWN						6		6

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
50	U14	鄭承諺		TWN						6		6
51	U14	李淳凱	WANDAN	TWN						6		6
52	U14	鄭旻祐	WANDAN	TWN						6		6
53	U14	梁凱恩	TEAM BELUGA CYCLING	TWN							6	6
54	U14	黃少嶸	嘉義斑馬	TWN							6	6
55	U14	許家銘	新豐國中ZIV	TWN							6	6
56	U14	張丞佑	玉富追風隊	TWN							6	6
57	U14	陳昱全	嘉義斑馬	TWN							6	6
58	U14	張祐齊		TWN							6	6
59	U14	吳浩銓	新豐國中ZIV	TWN							6	6
60	U14	吳承彥		TWN							6	6
61	U14	李冠頡		TWN							6	6
62	U14	林晉華	:D	TWN	5							5
63	U14	蕭汶凱	Team MSG D隊	TWN	5							5
64	U14	曹洺睿		TWN	5							5
65	U14	趙昱豪		TWN	5							5
66	U14	厲宇漢		TWN	5							5
67	U14	陳昶勝	林口康橋自由車隊	TWN	5							5
68	U14	許霆翔	新豐國中ZIV	TWN							5	5
69	U14	彭皓民		TWN							5	5
70	U14	謝汶澄	新豐國中ZIV	TWN							5	5
71	U14	蔡榮恩	嘉保硬邦幫	TWN							5	5
72	U14	官紘睿	新豐國中ZIV	TWN							5	5
73	U14	黃紹榮	嘉義斑馬	TWN							5	5
74	U14	蔡奕承		TWN							5	5
75	U14	王暐翔	嘉義斑馬	TWN							5	5
76	U14	蔡竣宇		TWN							3	3
77	U14	白昊霆	TEAM BELUGA CYCLING	TWN							3	3
78	U14	李宗瀚		TWN							3	3
79	U14	姜林毅勳		TWN							3	3
80	U14	呂昊澐		TWN							3	3
81	U14	張紘叡		TWN							3	3
82	U14	李秉紘		TWN							3	3
1	U15	吳承恩	新竹市ZIV聯隊/新竹市香山高中	TWN					8	18	30	56
2	U15	陳宥劭	EPIC TRCA Team	TWN	26					30		56
3	U15	林敬倫	好好好隊	TWN	6				23		23	52
4	U15	林昱澄		TWN	18				30			48
5	U15	陳俞安	對對對隊	TWN	20					23		43
6	U15	楊皓	新竹市ZIV聯隊/新竹市香山高中	TWN	5				20		18	43
7	U15	郭祐誠	對對對隊	TWN	16					26		42
8	U15	陳定緯		TWN	6				16	10	6	38
9	U15	陳以賢	新豐國中ZIV	TWN						6	26	32
10	U15	李亞郡	臺北市大理高中A隊	TWN	30							30
11	U15	傅柏彥	新竹市ZIV聯隊 A隊	TWN					6	16	8	30
12	U15	林屈蓄	裕進單車	TWN	3				26			29
13	U15	徐承佑	桃園市自由車聯隊	TWN	6					20		26
14	U15	謝承儒	新竹市ZIV聯隊 A隊	TWN	5				6	14		25
15	U15	游念恩	Team MSG C隊	TWN	23							23
16	U15	陳昀杉	新竹市ZIV聯隊 B隊	TWN	6					6	10	22
17	U15	陳諾凡	新竹市ZIV聯隊 A隊	TWN	6				14			20
18	U15	郭彧愷	新北市自由車隊 B隊	TWN	6						14	20
19	U15	楊爾清		TWN							20	20
20	U15	李世斌	日南國中	TWN					18			18

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
21	U15	葉立元	桃園市自由車聯隊 C隊	TWN	8					8		16
22	U15	蔡秉諺	新竹市ZIV聯隊	TWN					10		6	16
23	U15	陳奕捷	新豐國中ZIV	TWN							16	16
24	U15	林屈蒲	裕進單車	TWN	3				12			15
25	U15	袁于祐	台中市清泉國中	TWN	14							14
26	U15	郭祐源	Team MSG C隊	TWN	12							12
27	U15	蔡承甫		TWN	6				6			12
28	U15	陳昕佑	Team RCG	TWN	6					6		12
29	U15	賴宥任		TWN						12		12
30	U15	王凱弘	新豐國中ZIV	TWN							12	12
31	U15	呂宇翔	桃園市自由車聯隊 C隊	TWN	5					6		11
32	U15	張允丞	新竹市ZIV聯隊	TWN					6		5	11
33	U15	温品洋	TEAM BELUGA CYCLING	TWN	5						6	11
34	U15	許祐宸	臺北市大理高中A隊	TWN	10							10
35	U15	林已倢	桃園聯隊	TWN	5					5		10
36	U15	張睿亨	新竹市ZIV聯隊	TWN	3				6			9
37	U15	沈嘉程	新竹市ZIV聯隊 B隊	TWN	3				6			9
38	U15	嚴冠博	嚴冠博	TWN	3				6			9
39	U15	陳子皓		TWN	3						6	9
40	U15	高嘉鎏		TWN	3						6	9
41	U15	許宥勝	TEAM BELUGA CYCLING	TWN	3						5	8
42	U15	張瑋丞	Team MSG C隊	TWN	6							6
43	U15	鄭宥呈	臺北市大理高中A隊	TWN	6							6
44	U15	陳懿恩		TWN					6			6
45	U15	曾林奇		TWN					6			6
46	U15	簡小維	早餐店阿姨都叫我帥哥	TWN						6		6
47	U15	林維呈	來玩玩的而已	TWN						6		6
48	U15	葉蕃緯		TWN						6		6
49	U15	林柏宇		TWN						6		6
50	U15	廖品帆		TWN						6		6
51	U15	張亦志	嘉銘車隊	TWN						6		6
52	U15	謝尚軒	新北市自由車 B隊	TWN							6	6
53	U15	李品澄		TWN							6	6
54	U15	李奕樂		TWN							6	6
55	U15	王宥凱		TWN							6	6
56	U15	黃柏叡		TWN							6	6
57	U15	周昀辰	臺北市大理高中國中部B隊	TWN	5							5
58	U15	李承睿		TWN	5							5
59	U15	張宸晧		TWN	5							5
60	U15	臧邦翰	Team MSG C隊	TWN	5							5
61	U15	卓梓酩	台中市清泉國中	TWN	5							5
62	U15	林杉倫		TWN							5	5
63	U15	楊宥霖		TWN							5	5
64	U15	何恩圻		TWN							5	5
65	U15	陳威舜	新豐國中ZIV	TWN							5	5
66	U15	賴禹澄		TWN							5	5
67	U15	黃柏睿	嘉保硬邦幫	TWN							5	5
68	U15	林宥丞		TWN							5	5
69	U15	劉得宇	新豐國中ZIV	TWN							5	5
70	U15	饒廷碩	桃園市自由車聯隊	TWN	3							3
71	U15	李侑宸	台中市清泉國中	TWN	3							3
72	U15	蕭博駿	桃園市自由車聯隊 C隊	TWN	3							3
73	U15	柯程喆	Team MSG C隊	TWN	3							3
74	U15	徐睿呈	臺北市大理高中國中部B隊	TWN	3							3

2026臺灣自行車聯賽-個人分組排名_積分排名

更新：2026.10.31

GC 分組排名	Div 組別	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分							Total Point 總積分
					R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	
					陽明山王	春季KOM	環花東	環花東	太平山王	桃園	太平洋盃	
75	U15	林炤廷	台中市清泉國中	TWN	3							3
76	U15	林珈呈		TWN	3							3
77	U15	古峻騰	Team MSG D隊	TWN	3							3
78	U15	吳書瑋		TWN	3							3
79	U15	朱恩旭	:D	TWN	3							3
80	U15	蔡昀佑		TWN	3							3
81	U15	許益昇	台中市清泉國中	TWN	3							3
82	U15	王品豪		TWN	3							3
83	U15	蕭敬學		TWN	3							3
84	U15	李岱睿	林口康橋自由車隊	TWN	3							3
85	U15	呂柏緯		TWN	3							3
86	U15	陳奕愷		TWN	3							3
87	U15	黃楷哲	林口康橋自由車隊	TWN	3							3
88	U15	詹子毅	JK	TWN							3	3
89	U15	劉宇皓		TWN							3	3
90	U15	鍾凱帆	TEAM BELUGA CYCLING	TWN							3	3
1	W15	羅葳	TEAM WAYPOINT	TWN	30						30	60
2	W15	鍾涵琳	桃園市自由車聯隊	TWN	16				26			42
3	W15	張采婕	桃園市自由車聯隊	TWN	10				23			33
4	W15	吳沛騂		TWN						30		30
5	W15	李莞絨	日南國中	TWN					30			30
6	W15	張宸瑜	Team MSG B隊	TWN	26							26
7	W15	許珈蓁	新豐國中ZIV								26	26
8	W15	簡詳諭	Team MSG D隊	TWN	23							23
9	W15	劉思妤	TEAM BELUGA CYCLING	TWN							23	23
10	W15	陳炫燁	台中市清泉國中	TWN	20							20
11	W15	蕭羽宸	桃園市自由車聯隊	TWN	18							18
12	W15	陳品妘	波波隊	TWN	14							14
13	W15	林臻		TWN	12							12